TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220 /2022/DS-PT
Ngày: 27- 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông L **Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Có –** Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Đoàn Thị Kim Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2022/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2022/QĐPT-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2022/QĐ-PT ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị H**, sinh năm: 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lưu Thanh P**, sinh năm:1985. Địa chỉ: abc Nguyễn Văn C, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 14/01/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà **Lê Trần Mỹ T**, sinh năm: 1982 (có mặt).

2. Ông **Bùi Văn L**, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Dương Thùy Tr**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: xyz, đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 14/01/2022 và ngày 11/5/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Mộng C**, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà **Lê Trần Mỹ T** và ông **Bùi Văn L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lưu Thị H và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng C (con gái bà H) có quen biết với vợ chồng bị đơn là ông Bùi Văn L và bà Lê Trần Mỹ T nên bà H đã cho vợ chồng ông L, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, khi nào bà H cần nhận lại tiền thì thông báo trước một tháng, bà T có làm biên nhận ngày 09/11/2019 và cùng với ông L thống nhất ký tên. Trong biên nhận ghi tên bà C1 (là tên thường gọi của bà Lưu Thị H) và bà H giao tiền trực tiếp cho bà T và ông L nhận.

Sau khi vay, ông L và bà T chỉ trả được 8.000.000 đồng tiền lãi cho bà C nhận thay. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L và bà Lê Trần Mỹ T phải trả số tiền nợ vốn vay là 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn L, bà Lê Trần Mỹ T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà T là đầu thảo hụi, bà Nguyễn Thị Mộng C là hụi viên có tham gia chơi hụi của bà T, đến lúc bà C hốt hụi thì bà T không có đủ tiền để giao nên bà C có giúp bà liên hệ gặp bà Lưu Thị H (tên thường gọi là bà C1) là mẹ ruột của bà C để vay tiền.

Ngày 09/11/2019, bà T và ông L đến gặp bà H để vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, khi nào bà H cần lấy tiền sẽ thông báo trước một tháng, bà T có làm biên nhận và cùng ông L thống nhất ký tên. Sau khi vay, bà T có đóng tiền lãi cho bà H được 08 tháng, số tiền 64.000.000 đồng, các lần đóng lãi bà T đưa tiền cho bà C nhận thay bà H nhưng không có làm biên nhận. Ngoài ra, bà C, ông Ph (là con ruột bà H) có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo, đã hốt hụi và còn nợ tiền hụi chết của bà T nên giữa bà T và bà C, ông Ph có thỏa thuận là bà T sẽ cấn trừ tiền lãi bà T phải đóng cho bà H vào tiền nợ hụi của bà C, ông Ph và được bà C, ông Ph thống nhất.

Nay, bị đơn đồng ý trả cho bà Lưu Thị H số tiền nợ vay vốn là 200.000.000 đồng, nhưng yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh số tiền lãi đã trả 64.000.000 đồng từ

tháng 12/2019 (âl) đến tháng 06/2020 (âl) vì tiền lãi bà T đã đóng cho bà H vượt quá lãi suất nhà nước quy định.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mộng C trình bày:

Ngày 09/11/2019 bà T và ông L có đến gặp bà H để vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, mục đích bà T và ông L vay tiền là để trả tiền nợ hụi cho bà là 100.000.000 đồng.

Vào tháng 06 năm 2020 bà có nhận của bà T số tiền lãi là 8.000.000 đồng nhưng không có giao lại cho bà H mà được chuyển đóng lãi dùm cho bà H của số tiền vốn vay 200.000.000 đồng vì bà H hỏi vay của người khác để cho bà T và ông L vay lại. Bà xác định không có nhận của bà T số tiền lãi đóng cho bà H là 64.000.000 đồng. Tuy, bà có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo và còn nợ lại số tiền hụi là 98.000.000 đồng nhưng giữa bà C, ông Ph và bà T không có thỏa thuận trừ cấn số tiền lãi bà T phải trả cho bà H vào số tiền nợ hụi bà còn nợ bà T. Nếu tranh chấp tiền hụi giữa bà T với bà thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác, không liên quan gì đến vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H.

Buộc bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị H số tiền nợ vay vốn là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lưu Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi không phải nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, bị đơn là bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L có đơn kháng với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng cần trừ số tiền nợ hụi của bà C là 98.000.000 đồng, ông Ph là 32.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng thông qua góp hụi chết của bà C là 64.000.000 đồng, tổng cộng 194.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ bà T và ông L đồng ý trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cấn trừ nợ hụi của các con bà H vào tiền nợ vay của bà H và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Nếu không được chấp nhận, bà T sẽ khởi kiện đối với bà C, ông Ph bằng vụ kiện khác.

Nguyên đơn không có kháng cáo do người đại diện hợp pháp trình bày không đồng ý yêu cầu kháng cáo, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận có tham gia hụi và còn nợ hụi nhưng không liên quan bà H và tham gia tố tụng về phía nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vào ngày 19/7/2022 đến ngày 02/8/2022 bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của

bà T, ông L còn trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên kháng cáo của bà T, ông L được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Kháng cáo của bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L yêu cầu cấn trừ số tiền lãi đã đóng cho bà H 64.000.000 đồng và tiền hụi bà C còn nợ 98.000.000 đồng, ông Ph còn nợ 32.000.000 đồng của ông bà vào số tiền vay của bà H 200.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ bà T và ông L đồng ý trả cho bà H số tiền còn lại 50.000.000 đồng. Với lý do quan hệ mẹ con và bà H đồng ý cấn trừ.

Xét yêu cầu kháng cáo như trên của bị đơn là bên có nghĩa vụ chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ trong việc cấn trừ nợ hụi vào nợ vay không được bên có quyền là bà H đồng ý theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, kể cả khi Tòa án cấp phúc thẩm thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, chứng minh lần thứ hai nhưng người kháng cáo không chứng minh được thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả tiền, việc cấn trừ tiền hụi, trả lãi như yêu cầu kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bà T và ông L là không có cơ sở chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị kiểm sát viên.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và được trừ lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án do không chấp nhận kháng cáo và không bị kháng nghị nên giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 71/2022/DSST, ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 370 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lưu Thị H.

Buộc bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị H số tiền nợ vay vốn là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

Buộc bà Lê Trần Mỹ T và ông Bùi Văn L phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008635 và 0008636 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Sau khi khấu trừ, bà T và ông L còn phải nộp tiếp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Triệu Hữu

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND H. V;
- VKSND H. V;
- CCTHADS H. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.